

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/8/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ong Thân Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Sửu - Cán bộ hưu.

Ông Trần Thanh Bình - Cán bộ hưu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 24/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Q, sinh ngày 16/3/1996.

Nơi ĐKKHKT: thôn NS, xã CD, huyện LNa, tỉnh Bắc Giang.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

**\* Bị đơn:** Anh Lê Văn C, sinh ngày 07/7/1996.

Nơi ĐKKHKT: thôn NS, xã CD, huyện LNa, tỉnh Bắc Giang.

Hiện ở nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên*

*đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Lê Văn C trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục địa phương; đăng ký kết hôn ngày 29/7/2016 tại UBND xã CD, huyện LN, tỉnh BG. Ngày 06/12/2016 gia đình có tạo điều kiện cho anh C đi xuất khẩu lao động tại nước Nhật Bản. Vợ chồng chị sống hòa thuận đến tháng 5/2019 thì chị biết anh C có quan hệ bất chính với một người phụ nữ bên nước Nhật Bản. Sau nhiều lần gia đình khuyên can không được thì vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn và không liên lạc từ đó tới nay. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C .

- Về con chung: Chị và anh Lê Văn C có 01 con chung là cháu là Lê Anh Q, sinh ngày 09/8/2015. Ly hôn chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Lê Văn C hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Lê Văn C.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua thân nhân của anh Lê Văn C là Ông Lê Văn T – Sinh năm 1960. Địa chỉ: thôn NS, xã CD, huyện LNa, tỉnh Bắc Giang. Ông Lê Văn T là bố đẻ anh Lê Văn C có quan điểm trình bày như sau: Ông là bố đẻ của anh Lê Văn C . Hiện nay anh C đang đi lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của anh C ở nước ngoài thì ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được và gia đình cũng từ chối thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc thông báo, yêu cầu anh C gửi quan điểm, lời khai về cho Tòa án. Anh C có trao đổi quan điểm với gia đình về việc chị Q xin ly hôn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh C đồng ý ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Anh C trình bày nếu chị Q có ý định ly hôn để đến với người khác thì quyền nuôi con phải chuyển cho anh C.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Q xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Lê Văn C vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý

vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Văn C. Về con chung: giao con chung là cháu Lê Anh Q, sinh ngày 09/8/2015 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Q không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: các đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Q là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Lê Văn C. Bị đơn Lê Văn C là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn NS, xã CD, huyện LNa, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 4793/QLXNC-P5 ngày 10/4/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Lê Văn C đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 04/9/2017, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh C. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Văn C vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc

giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Lê Văn C cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn C theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Q, anh Lê Văn C .

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Nguyễn Thị Q kết hôn với anh Lê Văn C trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/7/2016 tại UBND xã CD, huyện LN, tỉnh BG là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5/2019 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn chị Q cho rằng anh C ngoại tình với người phụ nữ khác từ đó tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc từ đó đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C. Thông qua người thân (là bố đẻ) anh Lê Văn C có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Q.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: chị Q và anh C mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn C đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả hai anh chị đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Văn C .

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn C có 01 con chung là cháu Lê Anh Q, sinh ngày 09/8/2015, hiện con chung đang do chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Văn C có quan điểm nếu chị Q ly hôn để đến với người khác thì quyền nuôi con phải chuyển cho anh C.

[4.2]. HĐXX thấy: Quan điểm của anh C về việc nếu chị Q ly hôn để đến với người khác thì quyền nuôi con phải chuyển cho anh là không phù hợp quy định của pháp luật về quyền kết hôn, quyền nuôi dưỡng con của chị Q nên không có cơ sở

chấp nhận. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh C không có mặt ở tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể. Do vậy anh C không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được.. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Anh Q, sinh ngày 09/8/2015. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Lê Văn C về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Anh Q, sinh ngày 09/8/2015. Anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Lê Văn C về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000647 ngày 21/4/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Lê Văn C hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị Q cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã CD, huyện LN;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Ong Thân Thắng**

